

UBND TỈNH HƯNG YÊN
LIÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP-TÀI CHÍNH

UBND các xã, phường, thị trấn chỉ đạo các thôn thực hiện các hạng mục công trình huy động nguồn lực của nhân dân để thực hiện.
UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư các hạng mục công trình đắp đê Bắc Hưng Hải được hỗ trợ kinh phí của Tỉnh.
Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh làm chủ đầu tư các hạng mục công trình do Công ty quản lý.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 180 /TTyLN-NN-TC

Hưng yên, ngày 3 / tháng 10 năm 2018

1/11
4/2 TC Huyện CVP.
Đề bài "Hợp Ước của Nhà."

TỜ TRÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Số: 180/TTyLN-NN-TC
Ngày: 03/10/2018
Chuyên: O. Quang
Lưu hồ sơ:

Về việc giao kế hoạch, hỗ trợ kinh phí nạo vét đê đông xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2018-2019 tỉnh Hưng Yên.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Để nâng cao năng lực, phát huy tối đa khả năng dẫn nước của hệ thống kênh mương, cửa cống hồ hút của các trạm bơm, phục vụ đổ ải và tưới nước cho cây trồng vụ Xuân năm 2019 và các năm tiếp theo đạt hiệu quả, liên ngành Nông nghiệp-Tài chính trình UBND tỉnh giao kế hoạch nạo vét đê đông xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2018-2019, như sau:

I. Khối lượng, kinh phí nạo vét đê đông xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2018-2019:

1. Tổng khối lượng cần nạo vét và đắp đê Bắc Hưng Hải: 648.585 m³ (Chi tiết như phụ lục số 1 đính kèm); Trong đó:

- Khối lượng nạo vét kênh mương, cửa cống, hồ hút các trạm bơm do Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh quản lý là 90.126 m³, kinh phí đầu tư từ nguồn thủy lợi phí để thực hiện (Chi tiết như phụ lục số 2 đính kèm).

- Khối lượng nạo vét tiêu thủy lợi nội đồng (kênh mương mặt ruộng) là 533.094 m³, huy động nhân dân tự làm (Chi tiết như phụ lục số 2 đính kèm).

- Khối lượng đắp đê Bắc Hưng Hải là 25.365 m³, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (Chi tiết như phụ lục số 3 đính kèm).

2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2018-2019

a) Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ đắp đê Bắc Hưng Hải: 30.000 (đồng/m³).

b) Kinh phí hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ đắp đê Bắc Hưng Hải là 25.365 (m³) x 30.000 (đồng/m³) = 760.950.000 (đồng); phần kinh phí còn lại do các huyện, thành phố đầu tư.

(Chi tiết như phụ lục số 3 đính kèm)

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, thành phố hỗ trợ và huy động nguồn lực của nhân dân để thực hiện.

II. Phân công chủ đầu tư:

1. UBND các xã, phường, thị trấn chỉ đạo các thôn thực hiện các hạng mục công trình huy động nguồn lực của nhân dân để thực hiện.

2. UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư các hạng mục công trình đắp đê Bắc Hưng Hải được hỗ trợ kinh phí của Tỉnh.

3. Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh làm chủ đầu tư các hạng mục công trình do Công ty quản lý.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Tài chính tham mưu giúp UBND tỉnh bố trí và cấp kinh phí trực tiếp cho chủ đầu tư, hướng dẫn, kiểm tra thanh quyết toán và quản lý việc sử dụng ngân sách theo quy định.

3. UBND huyện, thành phố và Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh tổng hợp tiến độ thực hiện và những vấn đề phát sinh báo cáo UBND tỉnh bằng văn bản (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 5 ngày 1 lần).

4. Các chủ đầu tư: Căn cứ vào kế hoạch được giao lựa chọn các công trình theo hướng ưu tiên các hạng mục công trình giải quyết khó khăn về nguồn nước; tổ chức khảo sát các hạng mục công trình được giao làm chủ đầu tư, lập hồ sơ thiết kế, dự toán; thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán; thi công và nghiệm thu xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

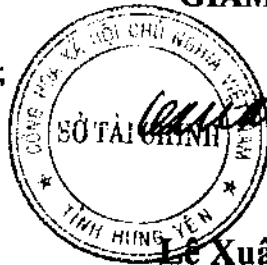
5. Thời gian thực hiện: Từ ngày 10/11/2018 đến 05/01/2019.

Liên ngành Nông nghiệp-Tài chính trình UBND tỉnh xem xét quyết định giao kế hoạch, hỗ trợ kinh phí nạo vét đồng xuân và đắp đê Bắc Hưng Hải năm 2018-2019 cho các huyện, thành phố và Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh thực hiện, kịp thời phục vụ công tác chống hạn vụ đồng xuân 2018-2019.

Nơi nhận:

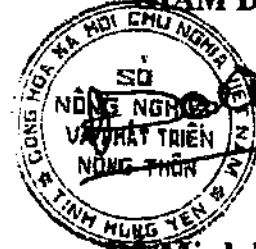
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VP.

SỞ TÀI CHÍNH
GIÁM ĐỐC



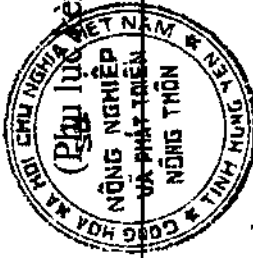
Lê Xuân Tiên

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục số 1: TỔNG KHỐI LƯỢNG NẠO VẾT KÊNH MƯƠNG, CỬA CÔNG, HỐ HÚT VÀ ĐÁP ĐỀ BHH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KTCTTL.



(Phụ lục) kèm theo tờ trình liên ngành số: 180 /TrLN - NN - TC ngày 31 tháng 10 năm 2018)

STT	THÀNH PHỐ, HUYỆN, CÔNG TY	TỔNG KHỐI LƯỢNG	NẠO VẾT ĐÔNG XUÂN NĂM 2018-2019					ĐÁP ĐỀ BÁC HUNG HẢI		Ghi chú
			Khối lượng	Kênh tiêu, dẫn	Kênh tưới	Cửa công, hố hút	Bờ vùng	Tiêu thủy lợi	Khối lượng	
(1)	(2)	(m^3) (3)	(m^3) (4)	(m^3) (5)	(m^3) (6)	(m^3) (7)	(m^3) (8)	(m^3) (9)	(m^3) (10)	(11)
	Tổng toàn tỉnh	648.585	623.220	42.510	34.629	9.015	3.972	533.094	25.365	
1	Huyện Văn Lâm	61.300	61.300					61.300		
2	Huyện Mỹ Hào	63.000	50.000					50.000	13.000	
3	Huyện Văn Giang	46.000	46.000					46.000		
4	Huyện Khoái Châu	116.000	116.000					116.000		
5	Huyện Yên Mỹ	36.773	35.773					35.773	1.000	
6	Huyện Ân Thi	105.750	103.065					103.065	2.685	
7	Huyện Kim Động	60.476	53.796					53.796	6.680	
8	Huyện Phù Cù	34.160	32.160					32.160	2.000	
9	Huyện Tiên Lữ	35.000	35.000					35.000		
10	TP Hưng Yên									
11	Công ty TNHH 1 thành viên KTCTTL tỉnh	90.126	90.126	42.510	34.629	9.015	3.972			

Phụ lục số 2: KHỐI LƯỢNG NẠO VẾT KÊNH MƯƠNG, CỬA CÔNG, HỐ HÚT VÀ ĐẬP BỜ VÙNG ĐÀU TƯ TỪ NGUỒN THỦY LỢI
 PHÍ CỦA CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CTTL TỈNH VÀ HUY ĐỘNG NHÂN DÂN TƯ LÀM TIÊU THỦY LỢI NỘI ĐỒNG



lục kèm theo tờ trình liên ngành số: 180 /TTHLN - NN - TC ngày 31 tháng 10 năm 2018)

NẠO VẾT ĐỒNG XUÂN 2018-2019

STT	THÀNH PHỐ, HUYỆN	Tổng khối lượng (m ³)	Trong đó				Tiêu thủy lợi nội đồng (m ³)	Ghi chú
			Kênh tiêu, dẫn (m ³)	Kênh tưới (m ³)	Cửa công, hố hút (m ³)	Bờ vùng (m ³)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng toàn tỉnh		623.220	42.510	34.629	9.015	3.972	533.094	
1	Huyện Văn Lâm	61.300					61.300	
2	Huyện Mỹ Hào	50.000					50.000	
3	Huyện Văn Giang	46.000					46.000	
4	Huyện Khoái Châu	116.000					116.000	
5	Huyện Yên Mỹ	35.773					35.773	
6	Huyện Ân Thi	103.065					103.065	
7	Huyện Kim Động	53.796					53.796	
8	Huyện Phù Cù	32.160					32.160	
9	Huyện Tiên Lữ	35.000					35.000	
10	TP. Hưng Yên	0						
11	Công ty TNHH 1 thành viên KTCTTL tỉnh	90.126	42.510	34.629	9.015	3.972		

Phụ lục số 3: KHỐI LƯỢNG ĐÁP ĐỀ BHH (hỗ trợ 30.000 đồng/m³)

(Phụ lục kèm theo tờ trình liên ngành số: 180 /TTrLN - NN - TC ngày 31 tháng 10 năm 2018)



STT	TỈNH HƯNG YÊN		THÀNH PHỐ, HUYỆN	Khối lượng	Thành tiền	Ghi chú
				(m ³)	(1000 đ)	
				25.365	760.950	
Tổng toàn tỉnh						
1	Huyện Văn Lâm					
2	Huyện Mỹ Hào			13.000	390.000	
3	Huyện Văn Giang					
4	Huyện Khoái Châu					
5	Huyện Yên Mỹ			1.000	30.000	
6	Huyện Ân Thi			2.685	80.550	
7	Huyện Kim Động			6.680	200.400	
8	Huyện Phù Cù			2.000	60.000	
9	Huyện Tiên Lữ					
10	TP. Hưng Yên					

